

SÁNG KIẾN QUẢN LÝ VỀ GIỚI VÀ CHÍNH SÁCH KINH TẾ ở Châu Á và Thái Bình Dương



GIỚI VÀ KINH TẾ

SÁNG KIẾN QUẢN LÝ VỀ GIỚI VÀ CHÍNH SÁCH KINH TẾ Ở CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG: GIỚI VÀ KINH TẾ

Quan điểm trình bày trong tài liệu này là của các tác giả và không nhất thiết đại diện cho Liên Hợp Quốc, Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc và các quốc gia thành viên.

Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc hợp tác với nhiều đối tác trong xã hội nhằm hỗ trợ các quốc gia vững vàng trong khủng hoảng, chèo lái và duy trì tăng trưởng nhằm nâng cao chất lượng sống của người dân. Có mặt tại 177 quốc gia và vùng lãnh thổ, chúng tôi mang đến triển vọng toàn cầu cũng như sự hiểu biết địa phương nhằm thúc đẩy trao quyền sống và xây dựng quốc gia vững mạnh.

Ấn phẩm do Trung tâm Vùng Châu Á – Thái Bình Dương xuất bản
Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc
Bangkok
Thái lan

Trang bìa: Lao động nam và nữ làm việc tại công trình xây dựng ở Katmandu (Maillard J./ Tổ chức Lao động Quốc tế)

Thiết kế: Inís Communication

© UNDP, tháng 9 năm 2012



GIỚI THIỆU

Để thiết lập nền tảng phân tích phù hợp với kiến thức, trình độ đa dạng của học viên, học phần đầu tiên này có mục đích đảm bảo rằng các học viên cùng chia sẻ hiểu biết của mình đối với những khái niệm cơ bản về kinh tế và bình đẳng giới, mối tương tác giữa các khái niệm này và những tư tưởng kinh tế cơ bản khi tiếp cận từ góc độ giới. Học viên tham dự khóa đào tạo ngắn này là những nhà hoạch định chính sách, những nhà lập kế hoạch và những nhà hoạt động thực tiễn, với nền tảng kiến thức và kỹ năng về kinh tế và về phân tích giới khác nhau. Khóa đào tạo ngắn hạn này cũng dành cho những nhà phân tích giới với những hiểu biết và kỹ năng phân tích các vấn đề kinh tế từ góc tiếp cận giới khác nhau. Cuối cùng, khóa học này cũng có thể dành cho những học viên có ít kiến thức hoặc chưa được làm quen với vấn đề giới hoặc kinh tế.

Học phần này không nhằm mục đích đảm bảo rằng các học viên đạt được cùng một trình độ phân tích, mặc dù mục đích phụ là khuyến khích học viên có hiểu biết sâu sắc hơn về những vấn đề kinh tế hoặc giới để có thể trình bày với những người khác một cách đơn giản và không dùng nhiều thuật ngữ chuyên môn, đặc biệt khi giao tiếp với những người ít hiểu biết về lĩnh vực này. Một mục đích nữa là khuyến khích tất cả học viên phát biểu và tham gia cùng những học viên khác.

MỤC TIÊU HỌC TẬP

Kết thúc học phần, học viên sẽ cùng có nhận thức về:

1. Những khái niệm kinh tế cơ bản.
2. Những khái niệm giới cơ bản.
3. Cách thức tương tác của kinh tế và giới.

NỘI DUNG

- I. Giới thiệu.
- II. Các khái niệm giới cơ bản.
- III. Tại sao giới quan trọng đối với kinh tế.
- IV. Thị trường, cầu và cung.

THỜI GIAN

1,5 ngày

I. GIỚI THIỆU

BÀI TẬP 1

Mục tiêu: học viên giới thiệu về bản thân và thiết lập môi trường tương tác cho quá trình làm việc cùng nhau trong suốt khóa học.

Học viên tự giới thiệu về mình, chức vụ, vị trí công tác, nhiệm vụ, những mục tiêu trong công việc trong 10 năm tới, từ 2 đến 3 phút.

Trong khi nghe giới thiệu, những học viên khác ghi lại thông tin họ thấy thú vị, đặc biệt là ghi lại bất cứ câu hỏi nào họ có thể muốn hỏi sau mục giới thiệu.

Kết thúc mục giới thiệu, các học viên hỏi những học viên khác bất cứ câu hỏi nào mình có trong vòng từ 15 đến 20 phút.

Cuối mục này, một trong số các học viên và/hoặc giảng viên đưa ra tóm tắt ngắn gọn về chuyên môn/ngành tham gia trong khóa học dựa trên kinh nghiệm công tác của học viên.

Thông tin được các học viên cung cấp ở giai đoạn này sẽ giúp họ làm quen với bạn học và giúp định hình nội dung của những học phần còn lại, vì nền tảng kiến thức và kinh nghiệm đa dạng của họ có thể được sử dụng để điều chỉnh nội dung những học phần khác, chẳng hạn như lựa chọn các ví dụ trong lĩnh vực nào (nông nghiệp, năng lượng hay giao thông, v.v.) thì sẽ hữu ích nhất.

BÀI 2

Mục tiêu: giới thiệu thuật ngữ và những khái niệm căn bản trong kinh tế truyền thống.

Trước phần này, giảng viên chuẩn bị các thẻ chứa tên những khái niệm kinh tế truyền thống sau đây:

- Lợi thế so sánh
- Các nguồn lực khan hiếm
- Cầu, cung và thị trường
- Tăng trưởng và phát triển
- Chi tiêu công và thuế
- Nghèo đói, thất nghiệp và lạm phát

Học viên được chia thành 6 nhóm. Mỗi nhóm được cấp ngẫu nhiên một thẻ, và có 10 phút để thảo luận về 1) định nghĩa và 2) tầm quan trọng của khái niệm này. Vào cuối buổi thảo luận, các nhóm tóm tắt những phát hiện của họ trên giấy khổ to.

Sau thảo luận nhóm, mỗi nhóm trình bày kết quả làm việc của nhóm mình với những học viên khác trong vòng từ 2 – 3 phút.

Sau thuyết trình, các học viên có 10 phút thảo luận tất cả các khái niệm và tầm quan trọng của những khái niệm này, cố gắng đạt được hiểu biết chung.

Lưu ý: Một cách khác để làm bài tập này là:

Trước khi làm bài tập, ghi mỗi khái niệm cơ bản lên hai thẻ, tức là mỗi khái niệm cơ bản có một bộ hai thẻ tương ứng với nó. Tùy thuộc vào số lượng học viên mà có thể tăng thêm số bộ thẻ sao cho tổng số thẻ tương ứng với số người tham gia. Sau đó phân phối ngẫu nhiên các bộ thẻ cho học viên để mỗi người có một thẻ. Mỗi học viên sẽ suy nghĩ về khái niệm trên thẻ của mình trong năm phút, và ghi lên mặt sau thẻ suy nghĩ của mình về 1) nghĩa và 2) tầm quan trọng của khái niệm này. Khi

hoàn tất bước này, mỗi học viên sẽ tìm một học viên khác có thể giống mình, thảo luận trong năm phút về câu trả lời, xác định các điểm tương đồng và khác biệt trong hiểu biết, và đưa ra một câu trả lời chung mà cả hai đều đồng ý. Mỗi cặp sau đó sẽ trình bày câu trả lời của mình cho những học viên còn lại trong hai hoặc ba phút. Sau khi thuyết trình, học viên có 10 phút để thảo luận toàn bộ các khái niệm và tầm quan trọng của chúng, cố gắng để đạt được nhận thức chung.

II. NHỮNG KHÁI NIỆM CƠ BẢN VỀ GIỚI

Mục tiêu: giới thiệu với học viên về thuật ngữ và các khái niệm cơ bản về giới.

BÀI TẬP 3

Mục tiêu: nhận thức và thảo luận những thuật ngữ căn bản trong phân tích giới

Trước khi làm bài tập, giảng viên chuẩn bị những mảnh giấy nhỏ có ghi một trong những khái niệm sau đây:

- *Giới tính, giới và giới thứ ba*
- *Phân công lao động theo giới*
- *Công bằng*
- *Bình đẳng giới*
- *Bình đẳng hình thức và bình đẳng thực chất*
- *Chủ nghĩa nữ quyền ở Châu Á*
- *Chủ nghĩa nữ quyền ở Thái Bình Dương*
- *Các hộ gia đình ở Châu Á*
- *Các hộ gia đình ở Thái Bình Dương*
- *Phân biệt đối xử*

Chuẩn bị một bảng lật liệt kê các khái niệm này.

Cả lớp cùng xem lại danh sách trên bảng lật và thêm vào bất cứ khái niệm nào mà họ cho là quan trọng. Bổ sung những khái niệm này vào danh sách trên bảng lật, và chuẩn bị thêm thẻ giấy riêng biệt cho mỗi một khái niệm mới giống như những thẻ giấy đã được chuẩn bị trước cho phần này.

Sau khi thảo luận toàn thể, học viên được chia làm các nhóm nhỏ từ hai đến ba người. Chia những mảnh giấy chứa khái niệm cho các nhóm để mỗi nhóm có ít nhất hai khái niệm để thảo luận.

Các nhóm thảo luận từ 10 đến 15 phút để thống nhất cách hiểu về khái niệm ghi trên mảnh giấy được chia, với lưu ý là thường không có một định nghĩa chính xác nào cho một thuật ngữ; ví dụ, khái niệm ‘chủ nghĩa nữ quyền’ thường lệ thuộc vào những vấn đề liên quan như tuổi, dân tộc, tôn giáo, giai cấp, xu hướng tính dục, khuyết tật tính dục, mức độ nghèo đói hoặc tình trạng hôn nhân. Điều quan trọng là mỗi nhóm có được nhận thức chung ở một mức độ nào đó về các khái niệm này và về các kết quả chính trị cũng như các mối tương tác quyền lực có yếu tố giới có thể quan sát được.

Những mô tả dưới đây có thể được sử dụng trong và sau khi làm bài tập để làm rõ các khái niệm và/hoặc để bổ sung cho các định nghĩa được đưa ra trong các cuộc thảo luận. Cần lưu ý rằng *chẳng* có mô tả nào trong số những mô tả này là định nghĩa duy nhất đối với khái niệm, mà chúng chỉ được cung cấp để hỗ trợ thảo luận. Sau khi kết thúc Học phần, cần bổ sung mô tả cho bất cứ khái niệm nào mà học viên nêu ra trong những khái niệm dưới đây để phát cho học viên.

GIỚI TÍNH VÀ GIỚI

‘Giới tính’ và ‘Giới’ có thể được định nghĩa như sau:

- **Giới tính:** cấu trúc sinh học của một người – cơ thể và nhiễm sắc thể – thường được định nghĩa là “nam” hay “nữ” và giới tính không xác định. Thuật ngữ “liên tính” ngày càng được sử dụng nhiều hơn (thay cho “lưỡng tính”) để mô tả những người có giới tính không xác định.
- **Giới:** các yếu tố xã hội và văn hóa tạo nên sự khác biệt giữa ‘nam’ và ‘nữ’, ‘bé trai’ và ‘bé gái’, ví dụ như vai trò, mong đợi, hành vi và những mối quan hệ giữa các giới. Những vai trò giới này được biết đến thông qua quá trình học tập. Chúng mang tính bối cảnh cụ thể, có thể thay đổi, và thường được gắn với một trong hai nhánh: hoặc là ‘nam’, hoặc là ‘nữ’.

Ở Châu Á - Thái Bình Dương, có một loạt cách diễn đạt mang tính văn hóa-xã hội về những người thuộc giới thứ ba, ví dụ: *hijra* và *kothi* ở Ấn Độ, *fa'afafine*, *akava'ine*, *fakaleiti*, và *mahu vahine* trong khu vực Thái Bình Dương, *kathoey* ở Thái Lan, *lakurn-on* ở Philippines, và *waria* ở Indonesia. Thuật ngữ 'giới thứ ba' hiện đang được sử dụng để mô tả những cá nhân không phải là nam hay nữ, những người đã hoặc đang trong quá trình chuyển đổi giới tính, những người thuộc cả hai giới tính hoặc không thuộc giới tính nào, những người chuyển giới, liên giới hoặc đối giới. 'Giới thứ ba' đã được công nhận chính thức ở Ấn Độ, Pakistan, và Nepal. Giới thứ ba là về bản dạng giới – tức là cảm nhận sâu sắc của một người về mình là nam hay nữ hoặc một cái gì đó khác. Bản dạng giới của một người có thể hoặc không thể tương ứng với giới tính của họ (bao gồm cả giới tính không xác định của họ).

PHÂN CÔNG LAO ĐỘNG THEO GIỚI

Phân công lao động theo giới đề cập đến vấn đề ai (nam, nữ, các bé trai, bé gái, hoặc giới thứ ba) thường làm những công việc gì, ví dụ như các việc làm được trả lương ở trang trại, trong nhà máy, hầm mỏ, công trường xây dựng, bệnh viện hay văn phòng; các công việc không được trả lương trong gia đình như nấu ăn, quét dọn, chăm sóc các thành viên trong gia đình; những hoạt động cộng đồng, như tình nguyện chăm sóc những thành viên bị ốm và cần giúp đỡ tại nhà, truyền đạt lại những hoạt động văn hóa truyền thống như là các điệu nhảy, sản phẩm thủ công, hoặc huấn luyện các đội thể thao. Nhiều người thuộc giới thứ ba làm những việc không được trả lương trong lĩnh vực văn hóa truyền thống.

CÔNG BẰNG

Tình trạng, chất lượng, hoặc lý tưởng về tính đúng đắn, vô tư và công bằng. Quan niệm về công bằng phản ánh lịch sử và giá trị của các cộng đồng cụ thể; công bằng vốn là một khái niệm quy phạm vì khi chúng ta định nghĩa điều gì là đúng, điều gì là vô tư/ không thiên vị, điều gì là công bằng, thì chúng ta đều thể hiện nhận định của mình trong đó.

BÌNH ĐẲNG GIỚI

Bình đẳng giữa nữ giới, nam giới và giới thứ ba (bình đẳng giới) đề cập đến quyền bình đẳng, trách nhiệm và cơ hội của tất cả mọi người. Bình đẳng không có nghĩa là phụ nữ, đàn ông và những người giới thứ ba trở thành giống nhau, mà là các quyền, trách nhiệm và cơ hội không phụ thuộc vào giới của người đó. Bình đẳng giới có nghĩa là lợi ích, nhu cầu và ưu tiên của tất cả mọi người đều được xem xét, trong khi thừa nhận sự đa dạng của các nhóm khác nhau. Công cụ bình đẳng giới bao gồm Công ước quốc tế về quyền dân sự và chính trị (ICCPR), Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW), Công ước của ILO, hiến pháp và các thiết chế nhân quyền của quốc gia.

BÌNH ĐẲNG HÌNH THỨC

Bình đẳng hình thức cho rằng tất cả mọi người được sinh ra bình đẳng. Do đó, một người phụ nữ bản địa ở miền đông Ấn Độ, về mặt lý thuyết, là bình đẳng như một người đàn ông sinh ra trong một gia đình hoàng gia Nhật Bản. Bình đẳng hình thức là một nguyên tắc đối xử bình đẳng. Các cá nhân như nhau cần được xã hội đối xử như nhau, theo đặc điểm thực tế của họ, chứ không phải theo những giả định khuôn mẫu về họ.

Bình đẳng hình thức có thể được đánh đồng với bình đẳng về cơ hội, về mức độ mà mọi người đều có quyền tự do để tìm kiếm cơ hội giáo dục, làm việc và giải trí, để phát triển bản thân ở mức tốt nhất so với khả năng của mình. Nó không giải thích cho sự khác biệt về đặc điểm và hoàn cảnh của những người khác nhau và làm thế nào mà những điều này có thể ảnh hưởng đến khả năng hưởng lợi từ cơ hội của họ. Kết quả là, bình đẳng hình thức thường không tạo ra được kết quả bình đẳng do những khác biệt đáng kể về đặc điểm và hoàn cảnh của của nữ giới, nam giới, bé gái, bé trai và người thuộc giới thứ ba.

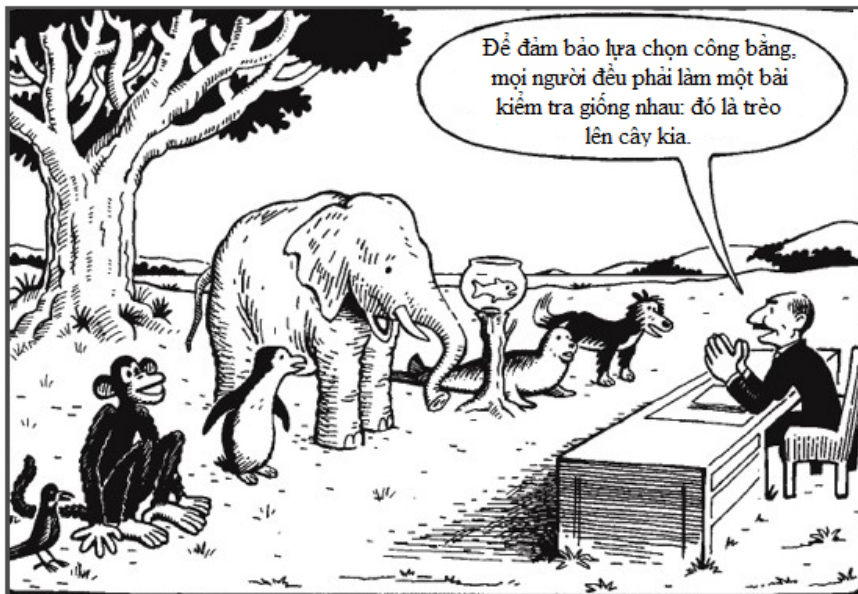
BÌNH ĐẲNG THỰC CHẤT

Bình đẳng thực chất tức là kết quả công bằng cho tất cả mọi người. Bình đẳng thực chất, cũng giống như bình đẳng hình thức, đòi hỏi mọi người

được đối xử giống nhau, nhưng đi xa hơn trong việc đòi hỏi rằng những đặc điểm và hoàn cảnh của những người khác nhau hoặc những nhóm người khác nhau được tính đến trong quá trình ra quyết định xem họ cần được đối xử như thế nào, để đảm bảo rằng tất cả có thể hưởng lợi bình đẳng từ những cơ hội có được. Ví dụ, bình đẳng thực chất có nghĩa là những quy định về học bổng được điều chỉnh để đáp ứng nhu cầu của những người có trẻ em phụ thuộc, đảm bảo rằng họ có thể học tập và chăm sóc gia đình mình với cùng cơ hội hoàn thành việc học tập giống như những người không có trách nhiệm như vậy. Bình đẳng thực chất nghĩa là kết quả công bằng cho tất cả.

CHỦ NGHĨA NỮ QUYỀN

Chủ nghĩa nữ quyền là một phong trào xã hội đặt câu hỏi về bất bình đẳng giới và cố gắng thay đổi những bất bình đẳng này. Chủ nghĩa nữ quyền không chỉ chú trọng vào nữ giới, mà còn chú ý đến cấu trúc xã hội của những mối quan hệ giữa nam và nữ theo đó nam và nữ được phân công những trách nhiệm khác nhau, tiến hành những hoạt động khác nhau, có sự tiếp cận và kiểm soát khác nhau đối với các nguồn lực, và có những cơ hội ra quyết định khác nhau. Cách tiếp cận này cũng cung cấp một mô hình phân tích vững chắc để kiểm tra sự bất bình đẳng được những người thuộc giới thứ ba trải nghiệm. Phân tích nữ quyền cũng có ứng dụng mạnh trong các vấn đề nhân quyền, cũng như tất cả các vấn đề sinh thái và kinh tế.



Nguồn: Irish Equality Authority

CHỦ NGHĨA NỮ QUYỀN Ở CHÂU Á

Một vấn đề cấp bách mới nổi ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương là hậu quả của việc di cư do thiên tai, xung đột, thảm họa môi trường, hoặc biến đổi khí hậu, v.v. gây ra. Đa số những người di cư có xu hướng là phụ nữ và trẻ em. Hậu quả từ thiên tai phá vỡ và có thể hủy hoại các nguồn lực xã hội và mạng lưới hỗ trợ mà người nghèo và những người dễ bị tổn thương phụ thuộc vào để tồn tại. Nỗ lực lồng ghép giới cũng bị cản trở bởi vấn đề cấu trúc: hầu hết các chính phủ có cấu trúc theo lĩnh vực và ngành cụ thể (như y tế, nông nghiệp, lao động, giáo dục, v.v.) mà ở trường hợp tốt nhất cũng mới chỉ được trang bị rất nghèo nàn để giải quyết những vấn đề liên ngành như là vấn đề "phụ nữ", "bé gái" hay vấn đề "giới", mặc dù đó là những vấn đề xuyên suốt tất các ngành, giống như vấn đề môi trường. Các tài liệu chuẩn bị cho Báo cáo Bắc Kinh +15 của Châu Á cho thấy có một xu hướng nguy hiểm ngày càng gia tăng trong việc sử dụng tôn giáo cho mục đích chính trị, bao gồm cả hình thức trình bày chương trình nghị sự bằng ngôn ngữ tôn giáo. Những tổ

chức phi chính phủ nữ quyền ở Ấn Độ và Nepal và những nơi khác ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương đã tích cực tham gia các hoạt động hỗ trợ công nhận quyền của người thuộc giới thứ ba.

CHỦ NGHĨA NỮ QUYỀN Ở THÁI BÌNH DƯƠNG

Các vấn đề giới chủ yếu và tồn tại dai dẳng trong khu vực quần đảo Thái Bình Dương là tỷ lệ bạo lực giới cao, tỷ lệ nữ giới tham chính thấp ở tất cả các cấp, sự tham gia hạn chế của nữ giới trong nền kinh tế chính thức, những khía cạnh giới trong biến đổi khí hậu, thiên tai, an ninh lương thực và năng lượng tái tạo, tiếp cận không công bằng đối với đất đai, thừa kế, nước sạch và vệ sinh môi trường. Phụ nữ có nguy cơ đói nghèo cao hơn do phân biệt đối xử trong lực lượng lao động, trách nhiệm nặng nề trong nông nghiệp, hộ gia đình và cộng đồng, ngư nghiệp, lâm nghiệp, xây dựng v.v. và hoạt động tình nguyện. Phong trào nữ quyền đã được thành lập để giải quyết tất cả những vấn đề này.

HỘ GIA ĐÌNH Ở CHÂU Á

Quy mô của Châu Á, sự đa dạng tôn giáo, sự đa dạng từ các kết quả chính sách về quy mô gia đình (ví dụ, chính sách một con), và mức độ giàu nghèo khác nhau giữa các quốc gia khiến ta không thể rút ra một khái quát chung về các hộ gia đình ở Châu Á. Chỉ có một vấn đề nhất quán đó là làm việc trong hộ gia đình, bất kể là dưới hình thức nào, đều không được trả lương (như sẽ được giải thích chi tiết ở Học phần 3).

HỘ GIA ĐÌNH Ở THÁI BÌNH DƯƠNG

Hộ gia đình ở Thái Bình Dương có thể không phải là nguồn tham khảo chính về nền kinh tế không được trả lương. Ví dụ, ở Melanesia, sự trao đổi lao động không được trả lương xảy ra trong *wontok* hoặc trong gia đình mở rộng, tức là giữa những người không cùng một hộ. Có một sự lệ thuộc đáng kể giữa các thế hệ, và các gia đình có thể sống trong các hộ khác nhau trên những mảnh đất được sở hữu chung ở gần rừng hoặc biển, nơi cung cấp cơ hội tiếp cận lương thực và các hoạt động sinh kế.

Các phong tục là khác nhau giữa Melanesia, Micronesia và Polynesia về sở hữu đất, ảnh hưởng đến các hộ trong khu vực.

HỘ GIA ĐÌNH

Trong Hệ thống Các Tài khoản Quốc gia của Liên Hợp Quốc (UNSNA) 2008, hộ gia đình được phân thành hai loại:

A. Hộ gia đình một người, được định nghĩa như một sự sắp xếp trong đó một người tự cung cấp thức ăn và những yếu tố cần thiết khác cho riêng mình mà không kết hợp với bất kỳ người nào khác để tạo thành một hộ gia đình nhiều người;

B. Hộ gia đình nhiều người, được định nghĩa là một nhóm gồm hai hay nhiều người sống cùng nhau, cùng cung cấp thức ăn hoặc những yếu tố cần thiết khác cho cuộc sống.

Những người trong nhóm có thể góp thu nhập và trong chừng mực nào đó có một quỹ chung; họ có thể là họ hàng hoặc không hoặc gồm cả hai loại có họ hàng và không có họ hàng. Sự sắp xếp này minh họa cho khái niệm công việc quản gia. Trong một định nghĩa thay thế được sử dụng ở nhiều quốc gia về hộ gia đình (household-dwelling), hộ gia đình bao gồm tất cả những người sống chung với nhau trong một đơn vị nhà ở.

PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ

Theo từ điển, phân biệt đối xử có nghĩa là đối xử một cách khác nhau với những người có đặc điểm khác nhau – như là nữ giới, nam giới, người thuộc giới thứ ba. Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW) đi xa hơn trong việc định nghĩa phân biệt đối xử là việc đối xử khác nhau và không công bằng. Phân biệt đối xử đôi khi rõ ràng; đôi khi khó thấy bởi vì nó không nói nữ giới và nam giới sẽ được đối xử khác nhau, nhưng thay vào đó sử dụng những đặc điểm phổ biến đối với nữ giới hay nam giới để phân biệt. Ví dụ, ở quần đảo Solomon, các tiêu chí để được vay vốn cho chế biển và bán các sản phẩm cá (thường là hoạt động của nữ giới) là người xin vay phải sở hữu một chiếc thuyền và mô tô. Quy trình cho vay như vậy mặc nhiên phân biệt đối xử đối

với phụ nữ bởi vì hầu hết phụ nữ không sở hữu quyền và mô tả. Công ước CEDAW ràng buộc các quốc gia ký kết phải cam kết chống lại cả hai dạng phân biệt đối xử công khai hoặc ngầm.

Phân biệt đối xử đối với người thuộc giới thứ ba là rất phổ biến trong nhiều trường hợp. Họ có thể là đối tượng của thành kiến, kỳ thị, đối xử bất bình đẳng trong pháp luật và sự thiếu hiểu biết. Người thuộc giới thứ ba chỉ mới được đề cập trong hệ thống Liên Hợp Quốc trong bối cảnh mại dâm hay HIV và AIDS, mặc dù đã có sự chuẩn bị ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương năm 2012 trong một chương trình của ILO nhằm thúc đẩy quyền, sự đa dạng và bình đẳng ở công sở (PRIDE), với mục đích giải quyết phân biệt đối xử với người đồng tính nữ, đồng tính nam, song tính và chuyển giới (LGBT).

Các nhà bình luận khác cho rằng nghị quyết của Ủy ban Nhân quyền Liên Hợp Quốc về quyền của người đồng tính nữ, đồng tính nam, song tính, chuyển đổi giới tính và người liên giới tính (LGBTI) bao gồm người thuộc giới thứ ba. Người thuộc giới thứ ba trong khu vực Châu Á - Thái Bình Dương đã phản đối rằng họ có các thuật ngữ bản địa để mô tả họ là ai trong chính những ngôn ngữ của họ, cái đã bị che khuất bởi thuật ngữ chung chung "LGBTI".¹ Người thuộc giới thứ ba cũng thấy mình bị đối xử như phụ nữ 50 năm trước đây: được đề cập trong Chương đầu của một báo cáo, rồi không bao giờ được đề cập thêm một lần nữa, bị xuống hạng ở một phụ lục, rồi bị bỏ qua vì cho là thiếu số liệu cụ thể.² Các chuyên gia về giới đã quen với việc viết về mô hình phân nhánh nam/nữ, nhận thấy 'giới thứ ba' là một mối phiền toái, làm xáo trộn cách tiếp cận thông thường của họ.

¹ See Phylesha Acton – Brown: http://www.wellington2011.org/keynote_speakers.html

² See for example, http://www.unaids.org/en/media/unaids/contentassets/dataimport/pub/report/2009/jc1720_action_framework_msm_en.pdf
http://www.unaids.org/en/media/unaids/contentassets/documents/unaidspublication/2011/JC2118_terminology-guidelines_en.pdf

SUY NGÃM:

Mức độ tập trung của khóa học vào các vấn đề về giới thứ ba cần được quyết định dựa trên bối cảnh kinh tế-xã hội, luật pháp của quốc gia mà khóa học được tổ chức.

III. TẠI SAO GIỚI LẠI QUAN TRỌNG ĐỐI VỚI KINH TẾ

Mục tiêu: hỗ trợ nhận thức về những khái niệm kinh tế cơ bản.

LÝ THUYẾT

Lý thuyết giải thích một số khía cạnh của thế giới, dựa trên quan sát, thực nghiệm và lý luận. “Lý thuyết” có thể tương phản với “thực hành”. “Lý thuyết” hay “sự quan sát có lựa chọn” cũng có thể đoán định trước kết quả. Các lý thuyết, ví dụ như lý thuyết về biến đổi khí hậu, có thể gây tranh cãi, ngay cả khi có bằng chứng mạnh mẽ cho thấy những xu hướng toàn cầu này. Nghiên cứu kinh tế và nghiên cứu về giới đều là khoa học xã hội được lý giải bằng lý thuyết, và những lý thuyết nào nổi bật thường là kết quả của các hệ tư tưởng và chính trị có quyền lực.

SUY NGẪM:

Tại sao lý thuyết lại có ích? Nó có thể giúp chúng ta làm gì? Có phải thế giới vận hành theo lý thuyết không? (Nghĩ về những ví dụ lý thuyết kinh tế/giới). Bạn chọn như thế nào khi có nhiều lý thuyết về cùng một thứ?

Có nhiều trường phái lý thuyết kinh tế trong thập kỷ thứ hai của thế kỷ 21, ví dụ kinh tế học bản địa, chủ nghĩa Mác, chủ nghĩa nữ quyền, kinh tế học sinh thái. Học phần này sẽ tập trung vào hai trường phái kinh tế học nổi trội.

KINH TẾ HỌC TÂN CỔ ĐIỂN

Kinh tế học tân cổ điển – một học thuyết kinh tế được dạy ở nhiều trường đại học – là cụm từ được sử dụng cho những cách tiếp cận lý

thuyết về kinh tế chú trọng vào việc xác định giá, sản xuất và phân phối thu nhập trong thị trường qua sự tương tác của cung và cầu. Lý thuyết này cho rằng thị trường là kết quả của hành vi:

1. Các cá nhân với thu nhập có hạn tìm cách tối đa hóa giá trị sử dụng cá nhân, hay lợi ích riêng của họ, và
2. Các công ty tìm cách tối đa hóa lợi nhuận của họ dựa trên các chi phí phải trả, các yếu tố sản xuất họ có thể có được, và các thông tin mà họ nắm được.

Bài tập 4 (trong phần tiếp theo của học phần này) là một ví dụ về kinh tế tân cổ điển với giả thiết về giá, sản xuất và phân phối thu nhập, trên cơ sở đó, người mua có những lựa chọn tốt nhất cho hộ gia đình mình. Kinh tế học tân cổ điển không trả lời câu hỏi điều gì khiến cho một cá nhân thích mua một sản phẩm hay một dịch vụ nào đó hơn những sản phẩm, dịch vụ khác. Những yếu tố quyết định được giá định là có nguồn gốc bên ngoài nền kinh tế và sự vận hành của nó.

KINH TẾ HỌC THỂ CHẾ

Kinh tế học thể chế lập luận rằng những thói quen, phong tục, truyền thống và chuẩn mực định hình sở thích của cá nhân được tạo ra trong các nền văn hóa nơi cá nhân đó sinh sống. Kinh tế không thể tách rời khỏi hệ thống xã hội và chính trị. Kinh tế ảnh hưởng đến cách cá nhân tiếp thu và xử lý thông tin mà họ cần khi thực hiện sự lựa chọn, bao gồm cả thông tin kinh tế. Trong cách tiếp cận này, người tiêu dùng không phải là tối cao. Khi thể hiện sở thích của mình, các chủ thể cá nhân bị ràng buộc bởi những quy ước xã hội. Giới ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn. Các cấu trúc gia đình và cộng đồng, văn hóa, tín ngưỡng tôn giáo và trình độ học vấn đều ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn. Sự lựa chọn kinh tế được xã hội định hình thông qua các nhóm mà ở đó cá nhân là một thành viên, và do đó những quyết định lựa chọn được gắn với những khía cạnh xã hội của nền kinh tế đang vận hành.

TIẾP CẬN VÀ GIÁM SÁT NGUỒN LỰC

Giới quyết định những gì được mong đợi, được cho phép và giá trị của một người phụ nữ hoặc một bé gái, một người đàn ông hay một cậu bé, và bất kỳ cá nhân nào thuộc giới thứ ba, trong một bối cảnh cụ thể. Trong hầu hết các xã hội đều có sự khác biệt giới và bất bình đẳng giới về trách nhiệm được giao, các hoạt động được thực hiện, cơ hội tiếp cận và kiểm soát các nguồn tài nguyên, cũng như các cơ hội ra quyết định. Giới thường giao cắt với giai cấp, dân tộc, tuổi tác, năng lực và tôn giáo để quyết định cơ hội tiếp cận và kiểm soát các nguồn lực sản xuất (ví dụ như đất đai, công nghệ, và các công cụ).

GIỚI VÀ SỞ THÍCH

Theo lập luận kinh tế tân cổ điển, những quan hệ giới có thể ảnh hưởng đến sở thích, nhưng điều này chưa được chứng minh và do đó có thể bị bỏ qua. Vì vậy, bản dạng giới của người tiêu dùng sẽ không thích hợp cho phân tích kinh tế. Tương tự như vậy, kinh tế học tân cổ điển sẽ không giải thích được môi trường gia đình mở rộng, hoặc tín ngưỡng tôn giáo và thực tiễn, những môi trường khuyến khích sự chia sẻ giữa các thành viên.

Nếu lập luận kinh tế học thể chế là đúng thì sở thích của một người tuân theo các khuôn mẫu hiện hành về các mối quan hệ giới, vì nữ giới, nam giới và những người thuộc giới thứ ba đều tuân thủ những chuẩn mực và mong đợi xã hội khác nhau và điều này định hình sở thích của họ đối với các sản phẩm hay dịch vụ. Một lần nữa, cấu trúc gia đình và cộng đồng, văn hóa, tín ngưỡng tôn giáo, tuổi tác và trình độ học vấn, tất cả đều ảnh hưởng đến sở thích. Ví dụ, nữ giới, nam giới và những người thuộc giới thứ ba có thể có sở thích khác nhau đối với các kiểu quần áo mà họ muốn mua. Đã có bằng chứng ủng hộ mạnh mẽ quan niệm cho rằng sở thích của người tiêu dùng được hình thành bởi các mối quan hệ giới. Ví dụ, nữ giới thường chi tiêu thu nhập của mình cho những nhu cầu thiết yếu của gia đình trong khi nam giới lại thường chi tiêu cho nhu cầu cá nhân của họ. Mô hình chi tiêu của người thuộc giới thứ ba thì hiện chưa có dữ liệu.

SỞ THÍCH: THU NHẬP VÀ NHU CẦU

Các quy ước và kỳ vọng xã hội định hình sở thích của người tiêu dùng bị ảnh hưởng bởi mức thu nhập. Như vậy, quy ước xã hội và mong đợi của những người giàu có khác với người nghèo. Nhưng sự lựa chọn của người tiêu dùng cũng phải đáp ứng một loạt các nhu cầu của con người, hình thành bởi các mối quan hệ sinh lý và xã hội, bao gồm cả các khuôn mẫu hiện hành về các mối quan hệ giới. Nếu thu nhập tăng lên, nhu cầu thiết yếu được đáp ứng đầu tiên, sau đó thì thu nhập mới được phân bổ cho các tiêu dùng không thiết yếu khác về hàng hóa và dịch vụ. Nếu thu nhập giảm, nhu cầu thiết yếu phải được đáp ứng trước khi chi tiêu khác được thực hiện; nếu nó giảm đến mức đủ thấp, người tiêu dùng phải quyết định nhu cầu nào là quan trọng nhất đối với họ. Vì vậy, có một *hệ thống thang bậc nhu cầu*, có ảnh hưởng và bị ảnh hưởng bởi thu nhập của người tiêu dùng, và điều đó sẽ được phản ánh trong sở thích của người tiêu dùng. Kinh tế thể chế gọi đây là *lý thuyết về thị hiếu thiên lệch*; phát biểu rằng trong việc xác định nhu cầu của người tiêu dùng giá cả có thể không quan trọng so với các yếu tố khác như thu nhập, hệ thống thang bậc nhu cầu, và các mối quan hệ xã hội tạo nên hệ thống thang bậc nhu cầu.

Nhiều hàng hóa và dịch vụ được các công ty cung cấp và các hộ gia đình mua sắm cho mục đích tiêu dùng (ví dụ như thực phẩm) không thể đáp ứng bất cứ nhu cầu thiết yếu nào trừ khi chúng được tiếp tục chuyển đổi sang một trạng thái có thể tiêu dùng được. Quá trình chuyển đổi như vậy đòi hỏi lao động (ví dụ: nấu ăn). Ngoài việc chuẩn bị thức ăn, lao động này bao gồm cả chăm sóc trẻ, giặt giũ quần áo, gia cố nhà ở, vệ sinh thân thể và vệ sinh môi trường. Công việc này diễn ra trong các hộ gia đình và không được trả lương, nhưng tốn thời gian và đòi hỏi công sức. Như vậy, về mặt kinh tế, hộ gia đình đã phân bổ nguồn lực của họ - trong trường hợp này là sức lao động - để sản xuất hàng hóa và dịch vụ mà cuối cùng có thể tiêu thụ được. Các công ty dựa vào lao động sẵn có này để hàng hóa của họ có thể được chế biến, xử lý sau khi người tiêu dùng đã mua chúng.

Phụ nữ chiếm ưu thế trong việc cung cấp lao động sản xuất, sinh sản và dịch vụ không được trả lương trong nền kinh tế. Trong các hộ gia đình,

các thể chế kinh tế và xã hội kết hợp và củng cố lẫn nhau. Cấu trúc của các hộ gia đình ảnh hưởng và phản ánh sự phân chia lao động theo giới cho các hoạt động của hộ gia đình nhằm duy trì gia đình và chăm sóc trẻ em (theo truyền thống được coi là các việc của nữ giới) và tham gia vào lượng lao động chính thức với tư cách là lao động trụ cột trong gia đình, chẳng hạn như trong sản xuất hàng hóa (theo truyền thống được coi là lĩnh vực của nam giới). Người thuộc giới thứ ba thường có những vai trò truyền thống văn hóa thách thức khuôn mẫu nhị phân này.

Thực hiện các công việc không được trả lương là điều kiện tiên quyết của việc cung cấp lao động cho sản xuất hàng hóa. Điều này có nghĩa là phân bổ nguồn lực trong hộ gia đình - và do đó, vai trò giới - ảnh hưởng đến khả năng của các công ty cung cấp và bán hàng hóa, dịch vụ, mặc dù phân tích kinh tế thường không tính đến ảnh hưởng của vai trò giới. Đồng thời, trong nhiều trường hợp, phân bổ nguồn lực trong hộ gia đình đòi hỏi phải có sự tiếp cận với các sản phẩm trên thị trường (ví dụ, thực phẩm không tự cung cấp và quần áo không tự may được), nơi công việc tiếp theo phải được thực hiện, thường là bởi người phụ nữ trong gia đình, để sản phẩm cuối cùng có thể tiêu dùng được. Do đó, phân bổ nguồn lực trong hộ gia đình ảnh hưởng và bị ảnh hưởng bởi các hoạt động thị trường.

Sự phân chia lao động theo giới là kết quả của ý thức hệ (gia trưởng) về giới xác định nữ giới và nam giới như khuôn mẫu truyền thống, và muốn bỏ qua những xem xét về giới thứ ba. Những định kiến này tạo ra khác biệt về xã hội và vật chất giữa nữ giới, nam giới và giới thứ ba, và tái tạo sự bất bình đẳng giới về vật chất và xã hội.

CÁC YẾU TỐ NGOẠI LAI

Yếu tố ngoại lai là hiệu ứng lan tỏa của một hoạt động kinh tế đối với một cá nhân hay một cộng đồng không trực tiếp tham gia hoạt động này. Trong trường hợp này, giá thị trường không phản ánh đầy đủ các chi phí hay lợi ích trong sản xuất, tiêu thụ hàng hóa hoặc dịch vụ. Ví dụ kinh điển của những yếu tố ngoại lai tiêu cực là ô nhiễm không khí và nước biển dâng.

Ở Châu Á - Thái Bình Dương, tính tàng hình của tái sản xuất và dịch vụ môi trường phản ánh tính tàng hình kinh tế của các hoạt động 'kinh tế' lớn không được trả lương. Thất bại trong việc giải thích những đặc điểm này của nền kinh tế trong mô hình tân cổ điển có những hậu quả lớn. Tóm tắt Tổng quan Báo cáo Stern nói rằng: "Biến đổi khí hậu là một thách thức đặc biệt cho kinh tế. Đây là thất bại thị trường rộng lớn chưa từng thấy."³

Lợi ích kinh tế xã hội của việc thực hiện công việc không được trả lương tạo ra một yếu tố ngoại lai tích cực: sự sẵn có của lao động và các nguồn lực. Các hoạt động dịch vụ của hệ sinh thái cho sản xuất hàng hóa cũng là một yếu tố ngoại lai tích cực mà không được phản ánh trong chi phí sản xuất hàng hóa hoặc dịch vụ.

HÀNG HÓA CÔNG CỘNG

Hàng hóa công cộng là hàng hoá, dịch vụ mà nếu cung cấp cho một người tiêu dùng cá nhân hoặc công ty, chúng sẽ có sẵn cho người khác mà không mất thêm chi phí. Do đó, có một động lực mạnh mẽ để các công ty không cung cấp hàng hóa công cộng vì các cá nhân được hưởng lợi từ việc cung cấp của họ mà không cần phải trả tiền. Do đó, thị trường sẽ không cung cấp hàng hóa công cộng bởi vì làm như vậy không bao giờ có thể mang lại lợi nhuận cho công ty. Một ví dụ hàng ngày là đèn chiếu sáng đường phố, nếu cung cấp cho một cá nhân, thậm chí có thu phí, thì các cá nhân khác có thể sử dụng nó mà không cần trả tiền và do đó thị trường sẽ không cung cấp hàng hóa đó. Những lợi ích của lao động không được trả lương và các dịch vụ môi trường là hàng hóa công; nhìn tổng thể, xã hội được hưởng lợi từ việc cung cấp các dịch vụ xã hội thiết yếu mà không cần phải đền bù cho các nhà cung cấp dịch vụ.

³ Stern Review: The Economics of Climate Change.
http://webarchive.nationalarchives.gov.uk/+http://www.hm-treasury.gov.uk/stern_review_report.htm

IV. THỊ TRƯỜNG, CẦU VÀ CUNG

BÀI TẬP 4

Mục tiêu: giúp học viên có được nhận thức chung về các khái niệm kinh tế cơ bản.

Trước khi thực hiện bài tập này (trong đó bao gồm cả mô phỏng thị trường), giáo viên chuẩn bị các loại thẻ sau:

16 thẻ hình 5 quả chuối

10 thẻ hình 1 kg gạo

13 thẻ hình 1 quả dứa

23 thẻ hình 1 quả cam

24 thẻ hình 1 quả trứng

1 thẻ hình 1 bó hoa

45 thẻ 1 \$

30 thẻ 2 \$

15 thẻ 5 \$

15 thẻ 10 \$

Bỏ ngẫu nhiên các thẻ ghi tiền mệnh giá khác nhau vào phong bì, với số lượng phong bì tương ứng với số người tham gia. Phân phát các thẻ có tên/hình sản phẩm cho học viên đóng vai là các thương nhân.

4 học viên được chọn vào vai là các thương nhân, những người sẽ sở hữu các gói hàng sau đây:

Thương nhân 1: 20 quả chuối, 10 kg gạo, 12 quả cam, 12 quả trứng.

Thương nhân 2: 20 quả chuối, 7 quả dứa, 5 quả cam.

Thương nhân 3: 20 quả chuối, 4 quả dứa, 5 quả cam, 1 bó hoa, 12 quả trứng.

Thương nhân 4: 20 quả chuối, 2 quả dứa, 1 quả cam.

Các thương nhân bắt đầu hội ý trong 10 phút để thiết lập giá cho sản phẩm của mình, với giá dao động từ 1 \$ đến 10 \$. Hai học viên không phải là thương nhân đóng vai quan sát viên quá trình này và ghi chú về những gì sẽ xảy ra để có thể báo cáo quan sát của họ sau này. Ngay khi các thương nhân thỏa thuận xong về giá cả, mỗi người tự chuẩn bị độc lập thẻ giá cho sản phẩm của mình. Thương nhân giữ bí mật về mức giá đối với những người khác cho đến khi thị trường mở cửa. Giá mà các thương nhân thiết lập cho các sản phẩm của họ không phải là giá thỏa thuận với các thương nhân khác, các thỏa thuận được thực hiện với các thương nhân khác có thể bị phá vỡ.

Trong khi các thương nhân đang thảo luận về giá, mỗi người tham gia còn lại (những người sẽ đóng vai người mua) trước tiên sẽ viết ra mô tả về một hộ gia đình (thật hoặc tưởng tượng) mà họ sẽ mua sắm cho, bao gồm số lượng người lớn và trẻ em, độ tuổi tương ứng và tình trạng sức khỏe. Tiếp theo, mỗi người mua nhận được một phong bì với số lượng thẻ tiền khác nhau (được giáo viên chuẩn bị ngẫu nhiên trước khi làm bài tập). Những người mua sau đó viết ra một danh sách mua sắm, cho thấy rõ ràng những gì họ muốn mua cho gia đình mình trong số các sản phẩm sẽ được bán.

Thị trường bắt đầu hoạt động. Các thương nhân công bố giá của họ, và người mua có thể mua sản phẩm với giá công bố, hoặc có thể thương lượng một mức giá khác với các thương nhân. Thị trường tiếp tục cho đến khi a) tất cả các sản phẩm của thương nhân được bán hoặc b) tất cả tiền của người mua đã được chi tiêu. Hai quan sát viên một lần nữa cần xem và lưu ý mọi thứ có thể xảy ra. Đặc biệt, các quan sát viên cần lưu ý giá mà thương nhân đã làm (hoặc không) đồng ý ngay từ đầu và so sánh chúng với giá thanh toán cho các sản phẩm khi tất cả mọi thứ được bán.

Khi tất cả mọi thứ được bán và sự mô phỏng thị trường vì thế đã được hoàn thành, những người tham gia tổ chức một cuộc thảo luận toàn thể, trao đổi những nội dung sau:

- Ở mức độ nào những người mua đã thực sự mua những gì họ viết ra trong danh sách hàng cần mua?

- Có sự khác biệt về giá khi bắt đầu và kết thúc?
- Thành phần hộ gia đình có ảnh hưởng đến quyết định mua hàng của người mua không?

Quan sát diễn biến các cuộc thảo luận, hai nhà quan sát sẽ mô tả những gì họ quan sát được về hành vi của những người bán và người mua, và sự thay đổi về giá khi thị trường hoạt động.

Dựa trên các kết quả của bài tập mô phỏng thị trường, học viên thảo luận về những gì họ nghĩ là sẽ xảy ra đối với giá cả nếu có một đợt lũ lụt hoặc hạn hán, cũng như những gì họ nghĩ rằng sẽ xảy ra nếu quá thừa một hàng hóa nào đó (ví dụ, dưa).

Bài tập sẽ là một minh họa thực tế hữu ích về các khái niệm/quy trình tiếp theo.

THÊM VÀO THỊ TRƯỜNG

Cầu và cung thị trường về hàng hóa và dịch vụ tạo ra một khuôn khổ đơn giản - nhưng không quá đơn giản - để hiểu được quá trình mua bán hàng hóa và dịch vụ trong các thị trường riêng lẻ có sự tham gia của người tiêu dùng cá nhân và các doanh nghiệp riêng lẻ. Nhánh kinh tế học này được gọi là *kinh tế vi mô*. Nếu tất cả các loại hàng hóa và dịch vụ do các công ty sản xuất ra trong một nền kinh tế được cộng dồn, ta có khái niệm *tổng cung*, là tổng sản lượng mà các công ty sản xuất và có kế hoạch bán ở một mức giá nhất định. Nếu cộng dồn tất cả các loại hàng hóa và dịch vụ mà các cá nhân riêng lẻ, công ty và chính phủ có kế hoạch mua ở một mức giá nhất định, ta có khái niệm *tổng cầu*. Nhánh kinh tế học nghiên cứu hành vi nền kinh tế nói chung được gọi là *kinh tế vĩ mô*.

THỊ TRƯỜNG

Một thị trường là bất kỳ bối cảnh nào mà trong đó việc mua bán hàng hóa và dịch vụ diễn ra. Thị trường không nhất thiết phải là một thực thể vật lý, nhưng nó có thể là như thế. Về mặt lý thuyết, thị trường là một cơ

chế phối hợp trong đó giá và số lượng hàng hóa, dịch vụ giữ cung và cầu ở điểm cân bằng. Trong *kinh tế học tân cổ điển*, một thị trường hoàn hảo là một thị trường trong đó có rất nhiều nhà sản xuất, mỗi nhà sản xuất có một thị phần tối thiểu của thị trường, tất cả các nhà sản xuất tạo ra một mặt hàng giống hệt nhau, được tự do để bắt đầu và ngừng sản xuất và có đầy đủ thông tin về thị trường cho sản phẩm của họ. Trong loại hình thị trường này, không có người mua hoặc người bán cá nhân nào có thể ảnh hưởng đến thị trường - nhà sản xuất và người tiêu dùng là *người chấp nhận giá*. Nếu không có can thiệp nào vào hoạt động của một thị trường hoàn hảo, các lực lượng cung và cầu sẽ điều chỉnh giá của hàng hóa, dịch vụ để thiết lập điểm cân bằng, tức là cân bằng giữa cung và cầu. *Bàn tay vô hình* - khái niệm nổi tiếng của Adam Smith - cung cấp hàng hoá và dịch vụ mà người tiêu dùng muốn bởi vì mọi người có thể tự do lựa chọn những gì họ muốn mua. Các thị trường *cạnh tranh hoàn hảo* như vậy không tồn tại trong thực tế.

CẦU

Cầu - những gì mọi người có thể mua - cho thấy mối quan hệ giữa giá của một hàng hóa hoặc một dịch vụ và số lượng mà mọi người sẵn sàng mua. Nhu cầu phụ thuộc vào giá của một hàng hóa hoặc dịch vụ, giá của các hàng hóa và dịch vụ khác, thu nhập, và một biến khó đo lường là *thị hiếu*, cái mà các nhà kinh tế gọi là sở thích. Quy luật cầu cho rằng khi tất cả các yếu tố khác không đổi, lượng cầu của hàng hóa, dịch vụ giảm khi giá hàng hóa, dịch vụ đó tăng lên và lượng cầu của một hàng hóa hay dịch vụ sẽ tăng lên khi giá giảm. Ví dụ, khi giá cá tăng lượng cầu có thể giảm: *hiệu ứng thay thế* sẽ xảy ra, nghĩa là người tiêu dùng sẽ sử dụng một thực phẩm thay thế ít tốn kém hơn cá.

Hàng hóa và dịch vụ có đặc điểm này được gọi là *hàng hóa thông thường*. Hàng hóa không có đặc điểm này được gọi là *hàng hóa thứ cấp* (inferior goods). Ví dụ, nếu giá gạo giảm thì không nhất thiết là lượng cầu gạo sẽ tăng: *hiệu ứng thu nhập* (income effect) giải thích là khi cùng một lượng gạo có thể mua được với số tiền ít hơn, người tiêu dùng sẽ sử dụng số tiền tiết kiệm được để mua thực phẩm khác chứ không mua thêm gạo. Khi thể hiện nhu cầu trong một đồ thị, điều quan trọng là phải phân biệt

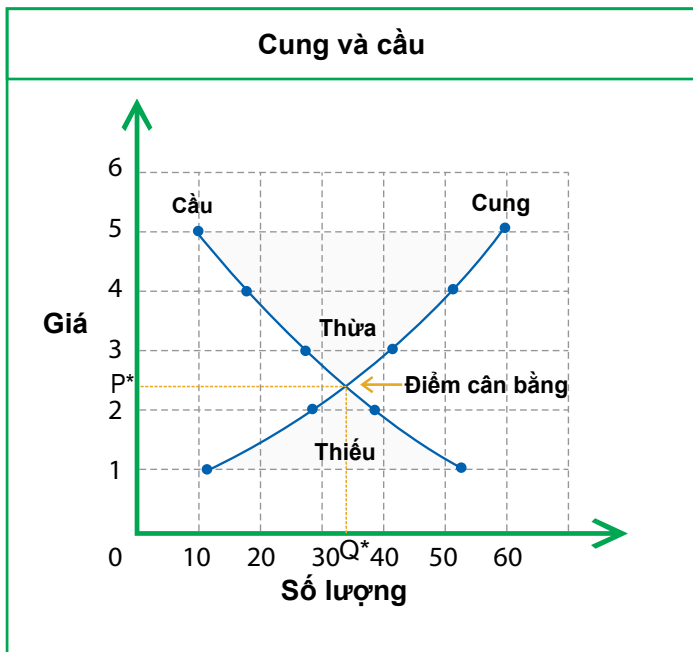
được các yếu tố dẫn đến sự dịch chuyển dọc theo đường cầu, với các yếu tố dẫn đến sự dịch chuyển của chính đường cầu. Ví dụ, một sự thay đổi trong giá cà phê gây ra một dịch chuyển dọc theo đường cầu cà phê. Nhưng giá cà phê tăng sẽ gây ra sự dịch chuyển vị trí của toàn bộ đường cầu của sản phẩm đường, dẫn đến lượng cầu về đường giảm đi tại từng điểm giá, bởi vì đường là *sản phẩm bổ sung* của cà phê.

SỰ ƯA THÍCH (SỞ THÍCH)

Sự lựa chọn của người tiêu dùng đối với cái họ muốn mua quyết định cái mà nền kinh tế sản xuất; vì các công ty phải bán hàng hóa và dịch vụ để tiếp tục kinh doanh, nên họ phải bán những gì khách hàng muốn mua. Điều này có nghĩa kinh tế học tân cổ điển dựa trên lý thuyết người tiêu dùng là *tối thượng*. Có thẩm quyền tối thượng đối với sở thích của mình có nghĩa là người tiêu dùng có quyền cao nhất trên thị trường.

CUNG

Cung - những gì nhà sản xuất hàng hóa và dịch vụ cung cấp để bán cho người tiêu dùng - là mối quan hệ giữa giá của một hàng hóa hay dịch vụ và số lượng của một hàng hóa hoặc dịch vụ mà các nhà sản xuất đang bán trên thị trường. Nó phụ thuộc vào giá nguyên liệu đầu vào cần thiết để làm ra hàng hóa và dịch vụ, trình độ công nghệ và giá của những hàng hóa và dịch vụ khác. Quy luật cung cho rằng, nếu các yếu tố khác không đổi, lượng cung của một hàng hóa hay dịch vụ tăng lên khi giá hàng hóa tăng. Khi thể hiện cung trên một đồ thị, điều quan trọng là phải phân biệt được các yếu tố dẫn đến sự dịch chuyển dọc theo đường cung, với các yếu tố dẫn đến sự dịch chuyển của chính đường cung. Vì vậy, một sự thay đổi trong giá máy tính dẫn đến một sự dịch chuyển dọc theo đường cung cho máy tính, nhưng một phát minh - một thay đổi trong công nghệ - làm cho việc sản xuất máy tính rẻ hơn ở mọi điểm trên đường cung sẽ làm thay đổi vị trí của toàn bộ đường cung máy vi tính.



ĐIỂM CÂN BẰNG

Điểm cân bằng là một tình huống trong đó cung và cầu ở trạng thái cân bằng. Giá cân bằng là giá làm cân bằng lượng cung của các công ty và lượng cầu của người tiêu dùng. Lượng cân bằng là lượng cung và cầu khi giá đã hoàn toàn điều chỉnh để cân bằng cung cầu. Điểm cân bằng được thiết lập khi các công ty đáp ứng chính xác nhu cầu của người tiêu dùng; tính tối thượng của người tiêu dùng cho rằng nếu các công ty bán với giá cao hơn giá người mua sẵn sàng trả thì nhu cầu giảm, còn nếu các công ty bán với giá thấp hơn giá mà người mua sẵn sàng trả thì nhu cầu tăng lên.

THỊ TRƯỜNG MANG TÍNH GIỚI

Thị trường có cạnh tranh hoàn hảo - như mô tả ở trên - không có trong thực tế. Các giao dịch không phải là vô danh, danh tính của người mua và người bán thường ảnh hưởng đến các điều khoản và điều kiện bán

hàng, và do đó, quan hệ giới có thể ảnh hưởng đến hoạt động của thị trường. Ví dụ, các điều khoản và điều kiện trong một giao dịch bán hàng không nhất thiết phải giống nhau cho mỗi giới. Đồng thời, giá cả có thể không cung cấp cùng một thông tin cho người mua và người bán. Ví dụ, khi bán một chiếc xe đạp cũ, chỉ có người bán mới biết được là giá mình bán cho người mua có phản ánh đúng tình trạng hoạt động của chiếc xe đó hay không. *Thông tin bất cân xứng* như vậy có thể là một kết quả của mối quan hệ giới. Thông tin bất cân xứng đến lượt nó tạo ra *tính duy lý bị hạn chế* (bounded rationality) có nghĩa là, sự lựa chọn hợp lý bị hạn chế bởi các thông tin có sẵn. Tính duy lý bị hạn chế có thể được định hình bởi các chuẩn mực giới hiện hành. Ví dụ, bởi người bán hàng nữ vào vụ thu hoạch đều biết rằng thương nhân nam sẽ không trả cho cô ấy giá tốt nhất có thể vì cô ấy là nữ giới, do vậy cô chọn phân phối sản phẩm vụ màu của mình cho một số thành viên trong cộng đồng để đổi lấy cam kết làm việc trên cánh đồng của cô vào cuối năm. Người thuộc giới thứ ba có thể bị phân biệt đối xử và cố gắng tránh các nhà cung cấp cụ thể. Bằng cách này, tính duy lý bị hạn chế do yếu tố giới làm xuất hiện những quyết định phân bổ nguồn lực bên ngoài thị trường. Cuối cùng, trong khi sản xuất là một điều kiện tiên quyết của hoạt động thị trường, tái sản xuất là một điều kiện tiên quyết của sản xuất. Việc tái sản xuất kinh tế xã hội của các cá nhân, hộ gia đình và cộng đồng là kết quả của phân công lao động theo giới, một hiện thân của hệ thống các mối quan hệ giới thống trị. Vì vậy, quan hệ giới gắn liền với thị trường, và có thể làm cho thị trường trở nên không hoàn chỉnh hoặc rời rạc. Đất đai là một thị trường thấm đậm yếu tố giới ở nhiều nơi. Việc là nữ giới, hoặc là người thuộc giới thứ ba, trong bối cảnh thực tiễn pháp lý, văn hóa và tôn giáo khác nhau, chi phối những người có thể tham gia vào thị trường do quy định về sở hữu đất đai và quyền thừa kế đất đai.

BÀI TẬP 5

Mục tiêu: thực hiện phân tích cung-cầu căn bản

Hoạt động nhóm này được thiết kế để học viên hiểu các khái niệm cung, cầu căn bản, qua đó thiết lập một nền tảng kiến thức chung.

Học viên được chia làm hai nhóm. Mỗi nhóm làm bài tập sau đây theo cách của mình, chỉ cần sử dụng bút chì và giấy viết. Lý tưởng mà nói, mỗi nhóm nên có một số lượng cân đối những nhà kinh tế, chuyên gia giới và những người khác để tối đa hóa những lợi ích của việc cùng học tập. Để đảm bảo kết quả học tập tối ưu, các nhà kinh tế học trong nhóm không nên được chọn hoặc tự mình 'quản lý' cây bút chì của nhóm.

Nhóm A: Áp dụng lý thuyết cầu

Dữ liệu cầu về dung dịch bù nước và điện giải oresol (ORT) được trình bày trong bảng dưới đây. Cả nhóm vẽ đường cầu trên giấy.

Bảng 1.1: Cầu về oresol (ORT)

Giá (\$)	Lượng cầu (triệu chai)
10	10
12	9
14	8
16	7
18	6
20	5

Trong 30-40 phút, nhóm thảo luận những câu hỏi sau, sử dụng đồ thị nếu cần thiết:

- Hỗ trợ tiền mặt là gì? Có ví dụ nào về hỗ trợ tiền mặt ở quốc gia của các học viên không? Điều gì sẽ xảy ra đối với đường cầu khi chính phủ hỗ trợ tiền mặt cho mọi người để mua ORT? (Sử dụng sơ đồ mà nhóm đã vẽ để minh họa). Liệu hỗ trợ tiền mặt có đến được đúng người và có được sử dụng cho ORT không, tại sao có và tại sao không?
- Điều gì xảy ra đối với đường cầu của ORT khi nước uống an toàn với giá phải chăng trở nên sẵn có hơn, và tại sao điều này xảy ra? (Sử dụng sơ đồ mà nhóm đã vẽ để minh họa).

- Có hàng hóa nào mà nhu cầu đối với nó *giảm đi* khi thu nhập *tăng lên* không?
- Những hàng hóa mang tính thời trang, như là điện thoại di động đời mới nhất, có thể có lượng cầu cao, ngay cả khi chúng đắt hơn các hàng hóa cạnh tranh khác. Tại quốc gia của các học viên, mọi người có thích có những điện thoại di động đắt tiền không, và tại sao? Đường cầu cho những loại hàng hóa đó có phải là một đường cong đi xuống như một đường cầu điển hình không?
- Cầu lệ thuộc vào giá của hàng hóa hoặc dịch vụ, giá của các hàng hóa và dịch vụ khác, thu nhập và sở thích. Có yếu tố nào trong số này có thể bị ảnh hưởng bởi giới không?
- Có yếu tố nào trong số các yếu tố này bị ảnh hưởng bởi những cân nhắc về môi trường không? Nếu có, thì ở trong những hoàn cảnh nào?

Nhóm B: Áp dụng lý thuyết cung

Số liệu cung cho dung dịch bù nước và điện giải oresol (ORT) được chỉ ra trong bảng dưới đây. Cả nhóm nên đường cung trên giấy.

Bảng 1.2: Cung về oresol ORT

Giá (\$)	Lượng cung (triệu chai)
10	3
12	4
14	5
16	6
18	7
20	8

Cả nhóm thảo luận các câu hỏi sau đây trong 30-40 phút, sử dụng đồ thị nếu cần thiết:

- Trợ cấp là gì? Có những ví dụ về trợ cấp ở quốc gia của các học viên không? Điều gì sẽ xảy ra đối với đường cung khi chính phủ trợ giá cho các công ty sản xuất oresol (ORT), tại sao điều này xảy ra? (Sử dụng sơ đồ mà nhóm đã vẽ để minh họa).
- Trong ví dụ ở quốc gia của học viên về những cải tiến trong quy trình sản xuất, điều gì sẽ xảy ra với đường cung của ORT khi một quá trình sản xuất cải tiến được giới thiệu, và lý do tại sao điều này xảy ra? (Sử dụng sơ đồ mà nhóm đã vẽ để minh họa).
- Cung phụ thuộc vào giá nguyên liệu đầu vào cần thiết để tạo ra hàng hóa và dịch vụ, trình độ công nghệ và giá của các hàng hóa và dịch vụ khác. Các yếu tố này có thể bị ảnh hưởng bởi giới không?

Thảo luận toàn thể:

Khi cả hai nhóm đã hoàn thành các bước trên, bài tập sẽ kết thúc trong phiên thảo luận toàn thể cả lớp. Dựa trên các thông tin trong bảng 1.1 và 1.2, đại diện của hai nhóm sẽ làm việc với nhau để vẽ các đường cung và cầu cho ORT trên một biểu đồ mới.

Học viên hoàn thành bài tập thông qua thảo luận những câu hỏi sau:

- Trong biểu đồ mới, giá cân bằng là gì?
- Điều gì xảy ra đối với giá và số lượng khi a) đường cầu dịch chuyển và b) đường cung dịch chuyển.
- Có ví dụ nào ở quốc gia của học viên về việc chính phủ can thiệp vào thị trường để tác động đến giá cả hàng hóa và dịch vụ không? Trong ví dụ này, giả định rằng chính phủ đặt giá tối đa cho ORT ở dưới mức giá cân bằng thì điều gì sẽ xảy ra? (Sử dụng đồ thị mới được vẽ vào đầu cuộc thảo luận toàn thể để minh họa).

BÀI TẬP 6

Mục tiêu: chứng minh rằng các thị trường có thể có những mối quan hệ giới trong quá trình vận hành.

Bài tập này sử dụng trò chơi “song đề tù nhân” hay “thế tiến thoái lưỡng nan của người tù” (Prisoner’s Dilemma) để minh họa thị trường hiếm khi, thậm chí không bao giờ, là thị trường cạnh tranh hoàn hảo. Việc nữ giới, nam giới và người thuộc giới thứ ba được tiếp nhận những thông tin bất cân xứng cho thấy các mối quan hệ giới đã gắn chặt với hoạt động thị trường; do đó, thị trường là các tổ chức xã hội phụ thuộc vào các tham số hiện hành của một tập hợp các mối quan hệ giới.

Học viên được chia làm hai nhóm đứng đối diện ở hai phía của phòng học. Mỗi nhóm cử một người để ghi chép. Cả lớp sẽ chơi một trò sử dụng quân bài tú lơ khơ. Trong trò chơi này, mỗi người ở nhóm này sẽ được ghép với một người ở nhóm kia. Mục tiêu của trò chơi đối với từng cá nhân là kiếm được càng nhiều tiền càng tốt.

Mỗi thành viên của cả hai nhóm được phát 2 lá bài tú lơ khơ - một lá bài màu đỏ (cơ hoặc rô), một lá bài màu đen (nhép hoặc bích). Các số hoặc hình trên các thẻ không quan trọng - chỉ có màu sắc là quan trọng.

Các thành viên của một nhóm được đề nghị chơi bằng cách lấy 1 trong 2 lá bài họ được phát và giữ nó úp xuống vào ngực mình, để cả nhóm có thể thấy rằng họ đã chọn một lá bài để chơi, nhưng không ai trong nhóm biết lá bài đó màu gì. Một tình nguyện viên hoặc giảng viên sẽ nói cho những người này biết họ được ghép với ai trong nhóm kia, rồi mỗi người trong từng cặp có thể tiết lộ các thẻ mà họ đã chọn. Như vậy là kết thúc một lượt chơi; trò chơi sẽ được lặp lại 5 vòng.

Trong vòng đầu tiên, mỗi người được ghép ngẫu nhiên với một người khác. Trong vòng hai, mỗi người lại được ghép ngẫu nhiên với một người khác không phải người trong vòng đầu. Trong vòng thứ ba, mỗi người lại tiếp tục được ghép ngẫu nhiên với một người khác không phải người trong hai vòng đầu. Trong hai vòng cuối cùng các cá nhân được ghép với cùng người mà họ đã được ghép ở vòng thứ ba. Điều này có

nghĩa là, trong hai vòng đầu tiên, đối tác của từng người là vô danh, nhưng trong ba vòng cuối, đối tác của cá nhân đã được biết. Trong hai vòng cuối cùng, cá nhân được phép giao tiếp với các đối tác của họ trước khi lựa chọn một lá bài để chơi.

Số tiền kiếm được được quyết định bằng thẻ mà các cá nhân chơi, có liên quan đến thẻ của người ghép với mình.

- Nếu học viên chơi một thẻ đỏ, số tiền kiếm được tăng 2 \$, trong khi số tiền của người ghép với mình không thay đổi.
- Nếu học viên chơi một thẻ đen, thì số tiền họ kiếm được không đổi và số tiền của người ghép với họ tăng 3 \$.

Điều này có nghĩa là

- Nếu cả hai ra thẻ đỏ, họ đều nhận được 2 \$.
- Nếu cả hai ra thẻ đen, họ đều nhận được 3 \$.
- Nếu một người ra thẻ đen và người kia ra thẻ đỏ, thì người thứ nhất không nhận được gì trong khi người thứ hai nhận được 5 \$.
- Nếu một người ra thẻ đỏ và người kia ra thẻ đen, thì người thứ nhất nhận được 5 \$ và người thứ hai không nhận được gì.

Để trò chơi hiệu quả, điều quan trọng là người chơi phải hiểu được những sự lựa chọn có sẵn cho họ. Một tình nguyện viên sẽ ghi lại màu lá bài khi một cá nhân ra bài, màu của người kia, và số tiền các cá nhân nhận được vào bảng sau:

Bảng 2.1: Tiền nhận được từ Trò chơi

Vòng	Thẻ của bạn (đỏ hay đen)	Thẻ của người kia (đỏ hay đen)	Tổng tiền nhận được
1			
2			
3			
4			
5			

Sau khi trò chơi kết thúc, các nhóm thảo luận trong phiên toàn thể, chia sẻ ý kiến, quan điểm của họ về cả quá trình chơi và trò chơi đã cho họ thấy sự vận hành của thị trường như thế nào. Trò chơi cho thấy thị trường phụ thuộc vào thông tin bất cân xứng có thể không tạo ra kết quả tốt nhất, và thông tin bất cân xứng như vậy có thể là do quan hệ giới, do đó quan hệ giới có ảnh hưởng mạnh mẽ đến hoạt động của thị trường. Nhóm nên thảo luận về kết quả này và những hàm ý của chúng đối với lý thuyết kinh tế truyền thống. Các thông tin cơ bản dưới đây có thể được sử dụng để hướng dẫn thảo luận và bổ sung cho ý kiến của các học viên.

Thông tin cơ bản:

Theo thuật ngữ kinh tế, trò chơi này được gọi là “song đề tù nhân”, trong đó mỗi người chơi đều muốn giành thuận lợi cho mình, bất chấp tình trạng của người kia. Kết quả của trò chơi này không tối ưu. Nếu hai người đều hợp tác với nhau thì kết quả sẽ tốt nhất, nhưng mỗi người đều có động cơ để đào ngũ. Vì thế trò này mới được gọi là song đề.

Bảng 2.2: Kết quả của trò chơi “song đề tù nhân”

		Người chơi 1	
		Đen	Đỏ
Người chơi 2	Đen	(3, 3)	(0, 5)
	Đỏ	(5, 0)	(2, 2)

Chúng ta mong đợi rằng, trong ba vòng đầu tiên, cả hai người chơi lựa chọn lá bài màu đỏ, bởi vì nếu họ lựa chọn màu đen và người kia chọn màu đỏ, họ chẳng nhận được gì. Ở vòng thứ tư, người chơi được phép giao tiếp. Điều này mang lại cơ hội hợp tác hoặc đào tẩu (gian lận): Hợp tác sẽ mang lại kết quả tổng hợp tốt nhất, khi cả hai người chơi đồng ý chọn màu đen. Thông thường, việc hợp tác sẽ diễn ra ở vòng thứ năm.

Bài học chính về trò chơi “song đề tù nhân” là như sau:

1. Khi thiếu thông tin, mỗi người đều có động cơ cá nhân để có những lựa chọn hợp lý cho mình nhưng mang lại kết quả xấu nhất khi xét về lợi ích của cả hai; điều này đúng khi cả hai người chơi chọn thẻ đỏ. Do đó, các trao đổi vô danh của các cá nhân trên thị trường không nhất thiết tạo ra kết quả tốt nhất cho xã hội xét về tổng thể.
2. Khi có thông tin, các cá nhân có động lực để hợp tác: nếu cả hai người chơi lựa chọn màu đen, họ đều có lợi. Tuy nhiên, cũng sẽ có một động lực trục lợi cá nhân trong khi toàn xã hội lại bị thiệt hại. Điều này được thể hiện khi hai cá nhân thỏa thuận với nhau là cùng chọn màu đen nhưng sau đó một người đổi ý và chọn màu đỏ. Người chơi tin tưởng người kia và không thay đổi quyết định sẽ bị thua nặng. Như vậy, ngay cả khi thông tin là có sẵn, thị trường không nhất thiết là cách tốt nhất để đưa ra lựa chọn.
3. Trên thị trường thật, thông tin có thể không được phân phối công bằng. Điều này có nghĩa là những lợi ích từ sự hợp tác có thể không được phân phối công bằng.
4. Đặc biệt, sự phân phối thông tin trong thị trường có thể khác nhau giữa nữ giới và nam giới. Điều này có ảnh hưởng đến khả năng tham gia thị trường của nữ giới.
5. Ngoài các vấn đề về động cơ lựa chọn, trò chơi “song đề tù nhân” cũng cho thấy sự cần thiết của việc cung cấp hàng hóa công. Nếu tất cả các thông tin đều sẵn có và miễn phí và không có người chơi nào bị loại trừ khỏi các thông tin đó, sẽ có một kết quả tốt hơn cho tất cả người chơi. Hàng hóa công có thể làm cho thị trường hoạt động tốt hơn, nhưng vì chúng phải được cung cấp cho tất cả mọi người, nên các công ty không có động lực để cung cấp hàng hóa công. Minh họa từ trò chơi về sự cần thiết của hàng hóa công cũng có thể được kết nối với các công việc không được trả lương trong các hộ gia đình – việc phụ nữ cung cấp các dịch vụ như vậy đem lại lợi ích cho toàn xã hội nhưng lại không được đền bù, có nghĩa là đàn ông có động cơ để không tăng mức đóng góp của họ, vì họ được hưởng lợi từ nó dưới bất cứ cách nào. Những món quà “miễn phí” của tự nhiên tạo ra một kết quả tương tự.

BÀI TẬP 7

Mục tiêu: phân tích vai trò giới của nam và nữ trong bối cảnh của kinh tế học tân cổ điển và kinh tế học thể chế.

Học viên được chia làm 4 nhóm. Mỗi nhóm được phát một trong hai ví dụ của khu vực về sự khác nhau về giới trong đời sống của nam và nữ (mỗi ví dụ sẽ được đưa cho hai nhóm khác nhau).

Mỗi nhóm đọc ví dụ và sử dụng thông tin trong ví dụ cũng như những định nghĩa được cung cấp trước đó ở Học phần này để thảo luận những câu hỏi sau trong 20-30 phút:

1. Kinh tế học tân cổ điển sẽ nói gì về kịch bản này?
2. Kinh tế học thể chế có giải thích được nhiều hơn về các kịch bản này hay không?
3. Những hoạt động nào là của nữ giới và của nam giới trong mối quan hệ với môi trường?
4. Giới và sở thích có mối quan hệ tương tác với nhau như thế nào trong bối cảnh của hệ thống thứ bậc nhu cầu?

Sau thảo luận nhóm, mỗi nhóm có 5 phút để trình bày kết quả thảo luận nhóm trong phiên toàn thể. Học viên sẽ thảo luận về những điểm khác nhau và giống nhau trong hai ví dụ, cũng như các điểm khác nhau và giống nhau trong kết quả của hai nhóm thảo luận cùng một ví dụ.

Nữ giới

Công việc chăm sóc gia đình hàng ngày

Nấu ăn

Quét dọn

Trông nhà

Chăm sóc người già, trẻ nhỏ, người ốm

Đệt may, khâu vá

Bảo quản thực phẩm

Công việc trồng trọt và chăn nuôi

Xới đất, nhổ cỏ

Thu hoạch, vận chuyển, lưu trữ

Trồng rau, quả

Vắt và chế biến sữa

Cho gia súc ăn và vệ sinh chuồng gia súc

Các hoạt động thu nhật

Lấy nước, cõ khô, củi

Thu nhật lâm sản ngoài gỗ

Lấy mật ong

Các hoạt động không thường xuyên

Công việc hưởng lương theo ngày

Các hoạt động giải trí và chăm sóc bản thân

Nam giới

Công việc chăm sóc gia đình hàng ngày

Đưa con đi học

Các việc sửa chữa lớn

Công việc trồng trọt và chăn nuôi

Gieo hạt

Chăn thả gia súc (người già làm)

Bán sản phẩm

Các hoạt động thu nhật

Tắm cho gia súc

Thu nhật lâm sản ngoài gỗ

Thu nhật các sản phẩm khác

Các hoạt động thị trường và giải trí

Tán gẫu ở các chợ

Các hoạt động giải trí: chơi bài...

Làm việc cho khu vực công và tư

Công việc hưởng lương theo ngày

Doanh nghiệp tư nhân: chủ cửa hàng

Ở HIMALAYAS⁴

Ở Himalaya Garhwal, nữ giới làm việc nhiều giờ hơn so với nam giới và đóng góp đáng kể đối với an ninh dinh dưỡng hộ gia đình. Phụ nữ cũng có nhiều nhiệm vụ, do đó tạo ra kết quả quan trọng hơn và công việc của họ khó khăn hơn. Giờ làm việc và tính chất công việc khác nhau đối với con gái, con dâu, và đối với các bà mẹ chồng. Con dâu lấy nước, củi và thức ăn gia súc, và tham gia vào các hoạt động nông nghiệp. Họ bế vác đồ trên đầu lên đến 35-40 kg cho một lần leo bộ 5 km từ 2-3 giờ. Con gái rửa bát đĩa, cắt rau, hỗ trợ làm việc bếp núc. Bà mẹ làm việc trong

⁴ Shiv Narayan Sidh, Sharmista Basu (2011), 'Women's contribution to Household Food and Economic security: a study of the Garhwal Himalayas', Mountain Research and Development, India, 31(2): 102-111.

nhà bếp, chuẩn bị thức ăn, và trông nom cháu. Tám mươi mốt phần trăm những người phụ nữ tự cho mình là 'làm việc'.

Nhiều nam giới từ vùng này đã di cư ra các vùng đô thị. Trong số những người ở lại, nghiên cứu cho thấy họ chi tiêu phần lớn thu nhập của mình cho hút thuốc và uống rượu, một sự chi tiêu cho cá nhân, chứ không phải là một đóng góp cho phúc lợi của hộ gia đình. Thu nhập của nữ giới được sử dụng cho phúc lợi tập thể của gia đình.

Một việc quan trọng cần được thực hiện khi xem xét sự phân chia lao động theo giới, trong nghiên cứu này và nói chung là trong hoạch định chính sách, là cần quan sát sự tương tác khác nhau giữa nữ giới với môi trường của họ. Phụ nữ trên toàn thế giới trải nghiệm môi trường theo cách bị giới hóa: đây cũng là một khung phân tích cơ bản cho phân tích giới.

IRAN⁵

Nghiên cứu về phụ nữ nông thôn ở Iran cho thấy vai trò của phụ nữ phụ thuộc vào các yếu tố kinh tế, xã hội, văn hóa và sinh thái. Chỉ sở hữu có 1% diện tích đất, và ít có tiếp cận tín dụng, phụ nữ làm việc trực tiếp trong sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi, thủ công mỹ nghệ, và tiểu thủ công nghiệp hoặc là lao động thời vụ nông nghiệp. Khoảng 5,6 triệu phụ nữ tham gia vào các hoạt động như trồng cây, thu hoạch, chuẩn bị thức ăn gia súc, và chăm sóc gia súc, gia cầm. Năm mươi phần trăm phụ nữ ở nông thôn tham gia chuyển đổi ngành công nghiệp, 22% trong sản xuất cây trồng, vật nuôi, 75% thủ công mỹ nghệ và các lĩnh vực liên quan đến nông nghiệp, 25% trong trồng trọt, 24% trong thu hoạch. Họ làm việc trong lĩnh vực chăn thả gia súc (23%), chăm sóc động vật (40%) và chăm sóc gia cầm (100%). Vai trò của họ trong việc đảm bảo an ninh lương thực là rất quan trọng. Trong khi 80% phụ nữ làm việc ở nông thôn, họ chỉ được coi là bà nội trợ, làm việc không được trả lương, người

⁵ Fatemi, I, Razeghi, H, Rezaei, H, Rezaei, M.R, and Vahedi, L (2011), 'The importance of rural women empowerment in rural development', *Advances in Environmental Biology*, 5(9), pp. 2989-2993.

lao động trong gia đình, lao động của gia đình, hoặc là người lao động độc lập. Số liệu thống kê thường không xem xét những hoạt động quản lý hộ gia đình, lao động không được trả lương, lao động theo vụ mùa bán thời gian. Khi dữ liệu quốc gia hoặc khu vực được thu thập cho mục đích lập kế hoạch, những hoạt động sản xuất, tái sản xuất và dịch vụ này không được đưa vào.

TÀI LIỆU TAM KHẢO

Alexander, P., with S. Baden. 2000. *Glossary on Macroeconomics from a Gender Perspective*. Sussex: BRIDGE, Institute of Development Studies.

Himmelweit, S., R. Simonetti and A. Trigg. 2001. *Microeconomics: Neoclassical and Institutionalist Perspectives on Economic Behaviour*. London: Thomson Learning.

Secretariat of the Pacific Community (SPC). 2010. *Beijing + 15: Review of Progress in Implementing the Beijing Platform for Action in Pacific Island Countries and Territories*.

UNDP. 2010. *Power, Voice and Rights: A turning point for Gender Equality on Asia and the Pacific*. India: MacMillan (chapter 2).

The New Palgrave Dictionary of Economics:
<http://www.dictionaryofeconomics.com/dictionary>.



*Empowered lives.
Resilient nations.*

Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc
25-29 Phan Bội Châu
Hà Nội, Việt Nam
Tel: (84 4) 3942 1495
Fax: (84 4) 3942 2267
Email: registry.vn@undp.org
www.undp.org.vn